

TÒA GIÁM MỤC XUÂN LỘC
TRƯỜNG CAO ĐẲNG HÒA BÌNH XUÂN LỘC



GIÁO TRÌNH
MÔN HỌC: KẾ TOÁN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
NGÀNH: KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ: TRUNG CẤP

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-CDHBOXL ngày tháng năm.....
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Hòa Bình Xuân Lộc)*

Đồng Nai, năm 2021

(Lưu hành nội bộ)

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

TaiLieu.vn

LỜI GIỚI THIỆU

Kế toán có thể xem như ngôn ngữ trong kinh doanh, kế toán là quá trình xác định, đo lường và truyền đạt thông tin kinh tế, giúp người sử dụng thông tin kế toán (các nhà quản lý, nhà đầu tư, các định chế tài chính, kinh doanh,...) đưa ra các phán đoán và quyết định thích hợp.

Kế toán được sử dụng để mô tả mọi loại hình hoạt động như hoạt động kinh doanh, đầu tư và tài trợ, có chức năng quan trọng là cung cấp số đo về thành quả của các hoạt động này, thể hiện mức độ quản lý hiệu quả các hoạt động và hiệu quả của doanh nghiệp trong việc đạt các mục tiêu.

Nền kinh tế của chúng ta đang trong quá trình điều chỉnh phù hợp sự vận hành của cơ chế thị trường và tác động quản lý của nhà nước, thích ứng dần với các luật lệ, tập quán quốc tế. Đặc biệt trong việc điều chỉnh hoạt động kế toán theo các chuẩn mực thuận lợi cho các hoạt động kinh doanh, đầu tư trong nước và quốc tế.

Đặc biệt hoạt động kinh doanh thương mại - dịch vụ liên quan các sản phẩm bao hàm bản chất vô hình, có sự tương tác cao giữa nhà sản xuất và người tiêu dùng, có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ. Từ đó công tác kế toán hoạt động thương mại – dịch vụ có những đặc trưng riêng.

Nhằm hỗ trợ cho công tác giảng dạy của giáo viên và nghiên cứu của học sinh, sinh viên thuộc khoa Kế toán - Trường Cao Đẳng Hoà Bình Xuân Lộc đã tổ chức biên soạn giáo trình Kế toán thương mại dịch vụ. Nội dung của giáo trình bao gồm:

Bài 1: Kế toán mua bán hàng hóa trong nước

Bài 2: Kế toán nghiệp vụ ngoại tệ và nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu

Bài 3: Kế toán hoạt động kinh doanh dịch vụ

Bài 4: Kế toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại dịch vụ

Trong quá trình biên soạn, chúng tôi đã tham khảo và trích dẫn từ nhiều tài liệu được liệt kê tại mục Danh mục tài liệu tham khảo. Chúng tôi chân thành cảm ơn các tác giả của các tài liệu mà chúng tôi đã tham khảo.

Bên cạnh đó, giáo trình cũng không thể tránh khỏi những sai sót nhất định. Nhóm tác giả rất mong nhận được những ý kiến đóng góp, phản hồi từ quý đồng nghiệp, các bạn người học và bạn đọc.

Trân trọng cảm ơn./.

Đồng Nai, ngày tháng năm 2021

Tham gia biên soạn

1. Chủ biên ThS. Trần Trung Hiếu
2. ThS. Phạm Hoài Diễm
3. ThS. Trần Thị Ngọc Lan
4. ThS. Nguyễn Thị Hồng Ngọc
5. Th.S. Bùi Thị Yên

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU	2
MỤC LỤC.....	4
GIÁO TRÌNH MÔN HỌC	5
BÀI 1: KẾ TOÁN MUA BÁN HÀNG HÓA TRONG NƯỚC.....	11
BÀI 2. KẾ TOÁN NGHIỆP VỤ NGOẠI TỆ VÀ NGHIỆP VỤ KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU	54
BÀI 3. KẾ TOÁN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH DỊCH VỤ	83
BÀI 4: KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	91
TÀI LIỆU THAM KHẢO	100

GIÁO TRÌNH MÔN HỌC

1. Tên môn học: KẾ TOÁN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ

2. Mã môn học: MĐ23

3. Vị trí, tính chất, ý nghĩa và vai trò của môn học:

3.1. Vị trí: Giáo trình dành cho người học trình độ Cao đẳng tại trường Cao đẳng Hòa Bình Xuân Lộc.

3.2. Tính chất: Mô đun kế toán thương mại dịch vụ là một mô đun tự chọn, thông qua kiến thức chuyên môn về kế toán thương mại dịch vụ, người học thực hiện được các nội dung về nghiệp vụ kế toán tại doanh nghiệp thương mại và hoạt động dịch vụ.

3.3. Ý nghĩa và vai trò của môn học: môn học này dành cho đối tượng là người học thuộc chuyên ngành **Kế toán doanh nghiệp**. Môn học này đã được đưa vào giảng dạy tại trường Cao đẳng Hòa Bình Xuân Lộc từ năm 2021 đến nay. Nội dung chủ yếu của môn học này nhằm cung cấp các kiến thức thuộc lĩnh vực **Kế toán thương mại dịch vụ**: Kế toán quá trình mua bán hàng hóa, xuất nhập khẩu và cung cấp dịch vụ.

4. Mục tiêu của môn học:

4.1. Về kiến thức:

- + A1: Kế toán quá trình mua bán hàng hóa, xuất nhập khẩu và cung cấp dịch vụ.

4.2. Về kỹ năng:

- + B1: Tính đúng giá trị hàng mua vào, bán ra và giá thành sản phẩm dịch vụ, xác định được doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh;
- + B2: Lập được chứng từ, kiểm tra, phân loại, xử lý chứng từ kế toán;
- + B3: Sử dụng được chứng từ kế toán trong ghi sổ kế toán chi tiết và tổng hợp;
- + B4: Lập được các báo cáo tài chính theo quy định
- + B5: Kiểm tra đánh giá được công tác kế toán trong doanh nghiệp thương mại

4.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + A1: Tuân thủ các chế độ kế toán tài chính do Nhà nước ban hành
- + A2: Có đạo đức lương tâm nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, sức khỏe giúp cho người học sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm kiếm việc làm tại các doanh nghiệp

5. Nội dung của môn học

5.1. Chương trình khung

Mã MH/ MD	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập/Thí nghiệm/Bài tập/Thảo luận	Kiểm tra
I	Các môn học chung	13	255	106	134	15
MH 01	Giáo dục Chính trị	2	30	15	13	2
MH 02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH 03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	2	45	21	21	3
MH 05	Tin học	2	45	15	29	1
MH 06	Tiếng Anh	5	90	42	42	6
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	60	1440	405	980	55
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	15	300	155	127	18
MH 07	Quản trị văn phòng	2	45	25	17	3
MH 08	Soạn thảo văn bản	2	45	25	17	3
MH 09	Kinh tế vi mô	2	45	25	17	3
MH 10	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	45	30	12	3
MH 11	Nguyên lý thống kê	2	45	20	23	2

MH 12	Nguyên lý kế toán	4	75	30	41	4
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	33	915	164	725	26
MĐ 13	Kế toán doanh nghiệp 1	5	90	45	40	5
MĐ 14	Kế toán doanh nghiệp 2	4	90	25	60	5
MH 15	Thuế	2	45	20	23	2
MĐ 16	Kế toán quản trị	3	60	25	32	3
MĐ 17	Tin học kế toán excel	4	90	29	57	4
MĐ 18	Tin học kế toán phần mềm	3	60	20	37	3
MH 19	Thực hành lập chứng từ và ghi sổ kế toán	4	120	-	116	4
MĐ 20	Thực tập tốt nghiệp	8	360	-	360	-
II.3	Môn học, mô đun tự chọn	10	225	86	128	11
MH 21	Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh	1	30	10	18	2
MH 22	Marketing	2	45	20	23	2
MĐ 23	Kế toán thương mại dịch vụ	2	45	18	25	2
MĐ 24	Kế toán hành chính sự nghiệp	2	45	18	25	2
MĐ 25	Kế toán thuế	3	60	20	37	3
TỔNG CỘNG		75	71	1695	511	1114

6. Điều kiện thực hiện môn học:

6.1. Phòng học Lý thuyết/Thực hành: Phòng máy tính.

6.2. Trang thiết bị dạy học: Phòng máy vi tính, bảng, phấn, tô vít.

6.3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình, mô hình học tập,...

6.4. Các điều kiện khác: Người học tìm hiểu thực tế về công tác xây dựng phương án khắc phục và phòng ngừa rủi ro tại doanh nghiệp.

7. Nội dung và phương pháp đánh giá:

7.1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, người học cần:
 - + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp.
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
 - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
 - + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

7.2. Phương pháp:

Người học được đánh giá tích lũy môn học như sau:

7.2.1. Cách đánh giá

- Áp dụng quy chế đào tạo Trung cấp hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 09/2017/TT-LĐTBXH, ngày 13/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.
- Hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo áp dụng tại Trường Cao đẳng Hòa Bình Xuân Lộc như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kỳ (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc môn học	60%

7.2.2. Phương pháp đánh giá

Phương pháp đánh giá	Phương pháp tổ chức	Hình thức kiểm tra	Chuẩn đầu ra đánh giá	Số cột	Thời điểm kiểm tra
Thường xuyên	Viết/ Thuyết trình	Tự luận/ Trắc nghiệm/ Báo cáo	A1 B1, B2, B3, C1, C2	1	Sau ... giờ.
Định kỳ	Viết/ Thuyết trình	Tự luận/ Trắc nghiệm/ Báo cáo	A1, B4, C2	2	Sau... giờ
Kết thúc môn học	Viết	Tự luận và trắc nghiệm	A1 B1, B2, B3, B4, B5, C1, C2	1	Sau... giờ

7.2.3. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm môn học là tổng điểm của tất cả điểm đánh giá thành phần của môn học nhân với trọng số tương ứng. Điểm môn học theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về đào tạo theo niên chế.

8. Hướng dẫn thực hiện môn học

8.1. Phạm vi, đối tượng áp dụng: Đối tượng Cao đẳng kế toán thương mại dịch vụ

8.2. Phương pháp giảng dạy, học tập môn học

8.2.1. Đối với người dạy

* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống, câu hỏi thảo luận....

* **Bài tập:** Phân chia nhóm nhỏ thực hiện bài tập theo nội dung đề ra.

* **Thảo luận:** Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung đề ra.

*** Hướng dẫn tự học theo nhóm:** Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm tìm hiểu, nghiên cứu theo yêu cầu nội dung trong bài học, cả nhóm thảo luận, trình bày nội dung, ghi chép và viết báo cáo nhóm.

8.2.2. Đối với người học: Người học phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi người học vào học môn học này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 70% các buổi giảng lý thuyết. Nếu người học vắng >30% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tự học và thảo luận nhóm: là một phương pháp học tập kết hợp giữa làm việc theo nhóm và làm việc cá nhân. Một nhóm gồm 8-10 người học sẽ được cung cấp chủ đề thảo luận trước khi học lý thuyết, thực hành. Mỗi người học sẽ chịu trách nhiệm về 1 hoặc một số nội dung trong chủ đề mà nhóm đã phân công để phát triển và hoàn thiện tốt nhất toàn bộ chủ đề thảo luận của nhóm.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

- Tham dự thi kết thúc môn học.

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

9. Tài liệu tham khảo:

1. "Kế toán Thương mại Dịch vụ" - Nguyễn Văn Chí (2020): Cung cấp cái nhìn toàn diện về các phương pháp kế toán áp dụng trong ngành thương mại dịch vụ.
2. "Kế toán Doanh nghiệp Thương mại Dịch vụ" - Phan Thị Hà (2019): Tài liệu chi tiết về các quy trình và kỹ thuật kế toán cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực dịch vụ và thương mại.
3. "Kế toán trong Doanh nghiệp Dịch vụ" - Trần Minh Hương (2018): Tập trung vào đặc thù kế toán của các doanh nghiệp dịch vụ, từ ghi nhận doanh thu đến chi phí và lợi nhuận.

"Nguyên lý Kế toán Thương mại và Dịch vụ" - Lê Thị Hoa (2021): Giới thiệu các nguyên lý kế toán cơ bản và ứng dụng chúng vào doanh nghiệp thương mại và dịch vụ.

BÀI 1: KẾ TOÁN MUA BÁN HÀNG HÓA TRONG NƯỚC

❖ GIỚI THIỆU BÀI 1

Kế toán mua bán hàng hóa trong nước bao gồm việc ghi nhận các giao dịch mua và bán hàng hóa giữa các doanh nghiệp trong cùng một quốc gia. Khi mua hàng, kế toán ghi nhận chi phí mua vào và khoản phải trả; khi bán hàng, ghi nhận doanh thu và khoản phải thu. Kế toán cũng theo dõi số lượng hàng tồn kho, tính giá vốn hàng bán, và sử dụng chứng từ như hóa đơn và phiếu nhập xuất kho để ghi nhận giao dịch. Cuối cùng, thông tin này được tổng hợp vào báo cáo tài chính để phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh.

❖ MỤC TIÊU BÀI 1

Sau khi học xong Bài này, người học có khả năng:

➤ Về kiến thức:

- Trình bày được nguyên tắc kế toán mua hàng trong nước
- Trình bày được phương pháp kế toán mua hàng trong nước
- Vận dụng kiến thức làm được bài thực hành ứng dụng về kế toán mua hàng trong nước
- Xác định được các chứng kế toán mua hàng trong nước

➤ Về kỹ năng: Vào được sổ chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết và sổ tổng hợp theo bài thực hành ứng dụng.

➤ Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trung thực, nghiêm túc, tuân thủ chế độ kế toán hiện hành.

❖ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP BÀI 1

- Đối với người dạy: sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực (điển giảng, vấn đáp, dạy học theo vấn đề); yêu cầu người học thực hiện câu hỏi thảo luận và bài tập **BÀI 1** (cá nhân hoặc nhóm).
- Đối với người học: chủ động đọc trước giáo trình (**BÀI 1**) trước buổi học; hoàn thành đầy đủ câu hỏi thảo luận và bài tập tình huống **BÀI 1** theo cá nhân hoặc nhóm và nộp lại cho người dạy đúng thời gian quy định.

❖ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN BÀI 1

- Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: phòng học theo tiêu chuẩn
- Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu và các thiết bị dạy học khác

- **Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Bài trình môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án, phim ảnh, và các tài liệu liên quan.
- **Các điều kiện khác:** Không có

❖ KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ **BÀI 1**

- **Nội dung:**
 - ✓ Kiến thức: Kiểm tra và đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
 - ✓ Kỹ năng: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.
 - ✓ Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, người học cần:
 - + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
 - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
 - + Nghiêm túc trong quá trình học tập.
- **Phương pháp:**
 - ✓ **Điểm kiểm tra thường xuyên:** 1 điểm kiểm tra (hình thức: hỏi miệng)
 - ✓ **Kiểm tra định kỳ:** không có

❖ NỘI DUNG BÀI 1

1. Những vấn đề chung về kế toán mua bán hàng hóa

1.1. Khái niệm và đặc điểm kinh doanh thương mại

1.1.1. Khái niệm

Thương mại là khâu trung gian nối liền giữa sản xuất với tiêu dùng. Hoạt động thương mại là việc thực hiện một hay nhiều hành vi thương mại của thương nhân làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa thương nhân với các bên có liên quan bao gồm việc mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ thương mại và các hoạt động xúc tiến thương mại nhằm mục đích lợi nhuận hoặc thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội.

1.1.2. Đặc điểm

- Đặc điểm hoạt động: Hoạt động kinh tế cơ bản của kinh doanh thương mại là lưu chuyển hàng hóa. Lưu chuyển hàng hóa là sự tổng hợp các hoạt động thuộc các quá trình mua bán, trao đổi và dự trữ hàng hóa.
- Đặc điểm về hàng hóa: Hàng hóa trong kinh doanh thương mại gồm các loại vật tư, sản phẩm có hình thái vật chất hay không có hình thái mà doanh nghiệp mua về (hoặc hình thái từ các nguồn khác) với mục đích để bán.
- Đặc điểm về phương thức lưu chuyển hàng hóa: Lưu chuyển hàng hóa trong kinh doanh thương mại có thể theo một trong hai phương thức là bán buôn và bán lẻ
- Đặc điểm về tổ chức kinh doanh: Tổ chức kinh doanh thương mại có thể theo nhiều mô hình khác nhau như tổ chức công ty bán buôn, bán lẻ, công ty kinh doanh tổng hợp, công ty môi giới, công ty xúc tiến thương mại...
- Đặc điểm về sự vận động của hàng hóa: Sự vận động của hàng hóa trong kinh doanh thương mại cũng không giống nhau, tùy thuộc vào nguồn hàng và ngành hàng. Do đó, chi phí thu mua và thời gian lưu chuyển hàng hóa cũng khác nhau giữa các loại hàng.

1.2. Nhiệm vụ kế toán

1.2.1. Nghiệp vụ mua hàng

- Ghi chép, phản ánh kịp thời đầy đủ và chính xác tình hình thực hiện kế hoạch mua hàng về số lượng, chất lượng, kết cấu, giá cả. Xác định đúng đắn giá gốc và thời điểm ghi nhận hàng mua.

- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch mua hàng theo từng nguồn hàng, từng nhà cung cấp, từng hợp đồng hoặc từng đơn hàng và tình hình thanh toán tiền hàng với nhà cung cấp.
 - Cung cấp thông tin kịp thời về tình hình mua hàng phục vụ cho lãnh đạo và điều hành hoạt động kinh doanh.
- 1.2.2 . Nghiệp vụ bán hàng
- Ghi chép và phản ánh chính xác, kịp thời tình hình bán hàng của Doanh nghiệp cả về số lượng và giá trị theo từng mặt hàng, nhóm hàng.
 - Phản ánh và giám đốc chính xác tình hình thu hồi tiền, tình hình công nợ và thanh toán công nợ phải thu của người mua.
 - Tính toán chính xác giá vốn của hàng hóa tiêu thụ, từ đó xác định chính xác về kết quả bán hàng.
 - Cung cấp thông tin kinh tế cần thiết cho các bộ phận liên quan.

1.3. Các phương pháp hạch toán hàng tồn kho

1.3.1. Phương pháp kê khai thường xuyên

Phương pháp KKTXX là phương pháp theo dõi và phản ánh thường xuyên, liên tục, có hệ thống tình hình nhập, xuất, tồn vật tư, hàng hóa trên sổ kế toán. Do đó, giá trị hàng tồn kho trên sổ kế toán có thể xác định được ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán.

1.3.2. Phương pháp kiểm kê định kỳ.

Phương pháp KKĐK là phương pháp hạch toán căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị tồn kho cuối kỳ của vật tư, hàng hóa trên sổ kế toán tổng hợp và từ đó tính giá trị của vật tư, hàng hóa đã xuất dùng trong kỳ.

1.4. Đánh giá hàng hóa

1.4.1. Tính giá hàng hóa mua vào

Giá gốc của hàng hóa mua vào bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ khỏi chi phí mua. Đối với Doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp giá mua vào được phản ánh theo tổng giá thanh toán.

1.4.2. Tính giá hàng hóa xuất kho

- Phương pháp đơn giá bình quân của hàng hóa luân chuyển trong kỳ

- Phương pháp nhập trước xuất trước
- Phương pháp nhập sau xuất trước
- Phương pháp đơn giá thực tế đích danh

2. Kế toán mua hàng

2.1. Phạm vi và thời điểm ghi chép hàng mua

2.1.1. Phạm vi của chỉ tiêu hàng mua

Trong các doanh nghiệp thương mại nói chung, hàng hoá được coi là hàng mua khi thoả mãn đồng thời 3 điều kiện sau:

- Phải thông qua một phương thức mua - bán - thanh toán tiền hàng nhất định.
- Doanh nghiệp đã nắm được quyền sở hữu về hàng và mất quyền sở hữu về tiền hay một loại hàng hoá khác.
- Hàng mua vào nhằm mục đích để bán hoặc qua gia công, chế biến để bán.

Ngoài ra, các trường hợp ngoại lệ sau cũng được coi là hàng mua:

- Hàng mua về vừa để bán, vừa để tiêu dùng trong nội bộ doanh nghiệp mà chưa phân biệt rõ giữa các mục đích thì vẫn coi là hàng mua.
- Hàng hoá hao hụt trong quá trình mua theo hợp đồng bên mua chịu. Còn những trường hợp sau đây không được coi là hàng mua:
 - Hàng nhận biếu tặng
 - Hàng mẫu nhận được
 - Hàng dôi thừa tự nhiên
 - Hàng mua về dùng trong nội bộ hoặc dùng cho xây dựng cơ bản
 - Hàng nhập từ khâu gia công, sản xuất phụ thuộc
 - Hàng nhận bán hộ, bảo quản hộ

2.1.2. Thời điểm ghi chép hàng mua

- Thời điểm chung để xác định và ghi nhận việc mua hàng đã hoàn thành:

là thời điểm doanh nghiệp nhận được quyền sở hữu về hàng hoá và mất quyền sở hữu về tiền tệ (đã thanh toán tiền cho nhà cung cấp hoặc chấp nhận thanh toán).

- Thời điểm cụ thể: Tuỳ thuộc vào từng phương thức mua hàng mà thời điểm xác định hàng mua có khác nhau. Cụ thể:

Đối với những doanh nghiệp thương mại nội địa:

- + Nếu mua hàng theo phương thức mua trực tiếp, thời điểm xác định hàng mua là khi đã hoàn thành thủ tục chứng từ giao nhận hàng, doanh nghiệp đã thanh toán tiền hay chấp nhận thanh toán cho người bán.
- + Nếu mua hàng theo phương thức chuyển hàng, thời điểm xác định hàng mua là khi doanh nghiệp đã nhận được hàng (do bên bán chuyển đến), đã thanh toán tiền hoặc chấp nhận thanh toán với người bán.

2.2. Các phương thức mua hàng

2.2.1. Mua hàng theo phương thức trực tiếp

Căn cứ vào hợp đồng kinh tế đã ký kết, doanh nghiệp cử cán bộ nghiệp vụ mang giấy uỷ nhiệm nhận hàng đến đơn vị bán để nhận hàng theo quy định trong hợp đồng hay để mua hàng trực tiếp tại cơ sở sản xuất, tại thị trường và chịu trách nhiệm vận chuyển hàng hoá về doanh nghiệp .

Mua hàng theo phương thức chuyển hàng Bên bán căn cứ vào hợp đồng kinh tế đã ký kết hoặc đơn đặt hàng, chuyển hàng tới cho bên mua, giao hàng tại kho của bên mua hay tại địa điểm do bên mua quy định trước.

2.3. Phương pháp kế toán mua hàng

2.3.1. Theo phương pháp kê khai thường xuyên

2.3.1.1 Tài khoản sử dụng: + Tài khoản 156 "Hàng hoá" Bên Nợ:

- Trị giá mua vào của hàng hoá nhập kho theo hoá đơn mua hàng (kể cả thuế nhập khẩu, thuế hàng hoá phải nộp - nếu có)
- Chi phí thu mua hàng hoá thực tế phát sinh
- Trị giá hàng hoá thuê ngoài gia công, chế biến hoàn thành, nhập kho (gồm giá mua vào và chi phí gia công)
- Trị giá hàng hoá bị người mua trả lại đã nhập kho - Trị giá hàng hoá phát hiện thừa qua kiểm kê tại kho Bên Có:
- Trị giá mua thực tế của hàng hoá xuất kho
- Chi phí thu mua phân bổ cho hàng hoá tiêu thụ trong kỳ

- Các khoản giảm giá hàng mua được hưởng
- Trị giá hàng hoá phát hiện thiếu, hư hỏng, mất phẩm chất tại kho, tại quầy

Số dư Nợ:

- Trị giá mua vào của hàng hoá tồn kho
 - Chi phí thu mua của hàng hoá tồn kho, hàng gửi bán
 - Tài khoản 156 "Hàng hoá" có ba tài khoản cấp 2:
 - TK1561 "Giá mua hàng hoá"
 - TK1562 "Chi phí thu mua hàng hoá"
 - TK1567 "Hàng hóa bất động sản"
- + Tài khoản 151, 133, 331...

2.3.1.2 Phương pháp hạch toán đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế. <1> Mua hàng nhập kho đủ

- Khi hàng về nhập kho

Nợ TK156(1561)

Nợ TK133(1331)

Có TK111, 112, 141, 341, 331...

- Trường hợp hàng mua có bao bì đi kèm tính tiền riêng, khi nhập kho bao bì:

Nợ TK153(1532): Giá mua bao bì đi kèm

Nợ TK133(1331): Thuế GTGT được khấu trừ của bao bì Có TK111, 112, 141, 341, 331...

Trường hợp bao bì đi kèm hàng hoá phải trả lại cho người bán, thông

thường người mua phải có ký cược trước một khoản tiền cho số bao bì đi kèm theo yêu cầu của người bán. Khi đem tiền đi ký cược, kế toán định khoản:

Nợ TK244: Số tiền ký cược bao bì

Có TK111, 112, 341...: Số tiền đã đem đi ký cược Và khi nhận lại số tiền ký cược này, kế toán sẽ ghi:

Nợ TK111, 112 Có TK244

- Khi mua hàng có phát sinh các chi phí như: chi phí vận chuyển, bốc dỡ, lưu kho, lưu bãi

Nợ TK156(1562)

Nợ TK133(1331)

Có TK111, 112, 341, 331, 334, 338...

<2> Mua hàng phát sinh hàng mua đang đi đường

Trường hợp mua hàng, đã nhận được hoá đơn, nhưng đến cuối tháng hàng chưa về đến doanh nghiệp, kế toán căn cứ vào bộ chứng từ mua hàng sẽ ghi nhận trị giá hàng đang đi đường như sau:

Nợ TK151

Nợ TK133(1331)

Có TK111, 112, 113, 341, 331..

Lưu ý: Trị giá bao bì đi kèm hàng hoá đang đi đường cũng được theo dõi trên tài khoản 151

Khi hàng mua đang đi đường đã về nhập kho hay chuyển bán thẳng Nợ TK156(1561): Trị giá hàng mua đi đường kỳ trước nhập kho Nợ TK157:

Trị giá hàng mua đi đường kỳ trước gửi bán kỳ này

Nợ TK632: Trị giá hàng mua đi đường kỳ trước bàn giao trực tiếp cho KH kỳ này

Có TK151: Giá trị hàng mua đi đường kỳ trước đã kiểm nhận trong kỳ này

Nếu có bao bì đi kèm hàng hoá tính tiền riêng, kế toán phản ánh trị giá bao bì đã nhận như sau

Nợ TK153(1532): Trị giá bao bì đi kèm hàng hóa đã nhập kho

Nợ TK138(1388): BB đi kèm tương ứng với số HH gửi bán thẳng chưa được chấp nhận thanh toán

Nợ TK131: Trị giá bao bì đi kèm với số hàng hoá đã giao bán trực tiếp

Có TK151: Trị giá bao bì tương ứng với số hàng mua đi đường kỳ trước đã kiểm nhận kỳ này.

<3> Mua hàng có giá tạm tính

Trường hợp hàng mua đã nhập kho nhưng cuối tháng chưa có hoá đơn, kế toán sẽ tiền hành ghi sổ theo giá tạm tính.

Nợ TK156(1561): Trị giá hàng hoá nhập kho theo giá tạm tính Có

TK331: Khoản phải trả cho người bán tương ứng

Khi có hoá đơn, kế toán sẽ tiến hành điều chỉnh giá tạm tính theo giá thực tế (giá ghi trên hoá đơn) theo số chênh lệch giữa giá hoá đơn với giá tạm tính. Cụ thể: + Nếu giá hoá đơn > giá tạm tính, kế toán sẽ ghi bút toán bổ sung: Nợ

TK156(1561) Có TK331

+ Nếu giá hoá đơn < giá tạm tính, kế toán sẽ điều chỉnh giảm bằng bút toán ghi số âm:

Nợ TK156(1561) Có TK331

Đối với các doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì đồng thời với bút toán điều chỉnh giá tạm tính ở trên, kế toán sẽ tiến hành ghi nhận thuế

GTGT đầu vào của hàng hoá theo hoá đơn:

Nợ TK133(1331) Có TK331

<4> Mua hàng phát sinh thiếu

Trường hợp mua hàng khi nhập kho phát hiện thiếu hàng, kế toán sẽ chỉ ghi tăng hàng hoá theo trị giá hàng thực nhận nhập kho. Còn số hàng thiếu, kế toán sẽ xử lý như sau:

- Nếu hàng thiếu xác định ngay được nguyên nhân: + Nếu hàng thiếu do hao hụt tự nhiên trong định mức. Nợ

TK156(1561)

Nợ TK156(1562)

Nợ TK133(1331)

Có TK111, 112, 331...

+ Nếu hàng thiếu do nguyên nhân khách quan bất khả kháng và theo hợp đồng doanh nghiệp phải chịu.

Nợ TK156(1561): Trị giá thực tế của hàng nhập kho

Nợ TK811: Trị giá hàng thiếu do nguyên nhân khách quan Nợ

TK133(1331): Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK111, 112, 331...: Tổng giá thanh toán của hàng hoá (theo hoá đơn)

+ Nếu hàng thiếu do bên bán gửi thiếu, đơn vị đã trả tiền hoặc chấp nhận thanh toán cho người bán, kế toán ghi: